

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2025/HS-PT
Ngày: 7/3/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**.

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thành Trung

Bà Trần Thị Lê Na

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Hùng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

- Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 1171/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Ngọc S, Đinh Văn K1, Đỗ Nam Q2 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Ngọc S, Đinh Văn K1, Đỗ Nam Q2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 232/2024/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

1. Bị cáo có kháng cáo: **NGUYỄN VĂN B** - sinh ngày 19/4/2006 (*thời điểm thực hiện hành vi được 17 tuổi 01 tháng 21 ngày*); nơi cư trú: Thôn K, xã K, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn H, con bà Nguyễn Thị H1; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: có 01 tiền sự đã được xóa: Ngày 22/6/2022, Công an huyện Y, tỉnh Bắc Ninh xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2023 đến ngày 18/7/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Văn B:

Ông **Nguyễn Văn H** - sinh năm 1983 và bà **Nguyễn Thị H1** - sinh năm 1984; Đều trú tại: Thôn K, xã K, huyện S, Hà Nội. (Có mặt)

2. **Bị cáo có kháng cáo PHAN VĂN Q** - sinh ngày 14/8/2003; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hóa: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Văn T, con bà Nguyễn Thị K2; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2023 đến ngày 18/7/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. **Bị cáo có kháng cáo NGUYỄN VĂN K** - sinh ngày 02/11/2002; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn K3, con bà Nguyễn Thị X; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2023 đến ngày 18/7/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. **Bị cáo có kháng cáo NGUYỄN VĂN Đ** - sinh ngày 14/4/2007 (*thời điểm thực hiện hành vi được 16 tuổi 01 tháng 26 ngày*); nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn H2, con bà Dương Thị T1; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2023 đến ngày 18/7/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Văn Đ: Ông **Nguyễn Văn H2** - sinh năm 1984 và bà **Dương Thị T1** - sinh năm 1989; Đều trú tại: Thôn M, xã M, huyện S, Hà Nội, (có mặt)

5. **Bị cáo có kháng cáo NGUYỄN VĂN Q1** - sinh ngày 21/02/1998; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức

vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn H3, con bà Nguyễn Thị Đ1; Vợ: Tạ Thị T2; Con: có 01 con sinh năm 2017. Tiền sự: không.

Tiền án: Bản án số 81 ngày 25/8/2021, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Ngày 27/4/2023, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Bị cáo có kháng cáo NGUYỄN NGỌC S - sinh ngày 30/7/1996; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Đ2, con bà Nguyễn Thị L; Vợ: Dương Thị T3; Con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Bị cáo có kháng cáo ĐỖ NAM QUYỀN - sinh ngày 12/3/2007 (*thời điểm thực hiện hành vi được 16 tuổi 02 tháng 28 ngày*); nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Học sinh Trường Cao đẳng N; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hóa: Đang học lớp 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đỗ Văn M, con bà Nguyễn Thị V; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người đại diện theo pháp luật của Đỗ Nam Q2: Ông **Đỗ Văn M** - sinh năm 1975 và bà **Nguyễn Thị V** - sinh năm 1976; Có mặt tại phiên tòa

Đều trú tại: Thôn P, xã M, huyện S, Hà Nội.

8. Bị cáo có kháng cáo ĐINH VĂN K1 - sinh ngày 28/12/2006 (*thời điểm thực hiện hành vi được 16 tuổi 05 tháng 12 ngày*); nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Học sinh Trường Cao đẳng N; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hóa: Đang học lớp 12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đinh Văn H4 (đã chết), con bà Phạm Thị T4; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Đình Văn K1: Bà **Phạm Thị T4** - sinh năm 1971; Trú tại: Thôn T, xã M, huyện S, Hà Nội (Có mặt)

Có 8 bị cáo không có kháng cáo: Bị cáo *Nguyễn Đình T5, Hoàng Thanh H5, Ngô Văn Q3, Nguyễn Thành T6, Đình Xuân C, Cao Khánh T7, Nguyễn Tuấn T8, Nguyễn Trọng Đ3* (vắng mặt do Tòa án không triệu tập).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đỗ Nam Q2: Ông Phan Hoàng S1- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm T15, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị hại không có kháng cáo:

1. **Cao Khánh T7** - sinh ngày 26/3/2007; Nơi cư trú: Thôn V, xã M, huyện S, Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo pháp luật của Cao Khánh T7 không có kháng cáo:

Ông **Cao Văn T9** - sinh năm 1984 Bà **Hoàng Thị Ngọc L1** - sinh năm 1985Đều trú tại: Thôn V, xã M, huyện S, Hà Nội.Đều có mặt tại phiên tòa

2. Anh **Nguyễn Văn T10** - sinh ngày 11/8/2007; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện S, Hà Nội. *Vắng mặt.*

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Văn T10 không có kháng cáo: Ông **Nguyễn Văn T11** (thường gọi là H6) - sinh năm 1975 và bà **Nguyễn Thị T12** - sinh năm 1977; Đều trú tại: Thôn T, xã M, huyện S, Hà Nội.Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h00' ngày 09/06/2023, **Nguyễn Trọng Đ3** điều khiển xe mô tô chở **Đình Văn K1**; **Nguyễn Tuấn T8** điều khiển xe mô tô chở **Đỗ Nam Q2** đi từ nhà vào hồ Đ thuộc địa phận thôn M, xã M, huyện S để chơi. Lúc này, Đ3, K1, T8 và Q2 gặp nhóm của B, gồm: **Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thành T6, Ngô Văn Q3**. Biết B đang có mâu thuẫn với **Cao Khánh T7**, T8 nhắn tin cho T7 thông báo về việc nhóm B đang tìm đánh T7. Sau đó, Đ3, K1, T8 và Q2 điều khiển xe máy đi về cầu T thuộc địa phận thôn T, xã M, huyện S chơi, còn nhóm của B đi đến quán nước nhà anh Hồ Anh D (sinh năm 2002, trú tại thôn L, xã M, huyện S, Hà Nội) ở hồ Đ để uống nước. Khi đến quán nước, nhóm của B gặp **Nguyễn Văn K** đang ngồi uống nước; sau đó lần lượt có **Nguyễn Đình T5, Đình Xuân C, Nguyễn Văn S2, Nguyễn**

Văn Q1, Phan Văn Q, Hoàng Thanh H5 lần lượt đến và ngồi uống nước cùng. Khi đang uống nước, T7 nhắn tin chửi và hẹn B ra khu vực đập Đ để đánh nhau, giải quyết mâu thuẫn. Sau đó, B nói với mọi người về việc T7 thách thức đánh nhau và rủ mọi người lên đập Đ để đánh nhau, giải quyết mâu thuẫn thì Đ, T6, Ngô Văn Q3, T7, K, T5, C, S2, Nguyễn Văn Q1, Phan Văn Q, H5 đồng ý. Nhóm của B chuẩn bị hung khí như sau: Đồng mang 01 sẵn con dao gấp có đầu nhọn theo người đưa cho cho B, B nhận dao và cắt vào túi quần; Phan Văn Q nhặt 02 viên đá xanh tại quán nước cầm ở 02 tay; T6 cầm 01 viên đá xanh; K lấy 01 điều cày bằng tre tại quán nước. Cùng lúc này, Nguyễn Thành C1 điều khiển xe mô tô chở Cao Khánh T7 đi từ nhà đến hồ Đ. Khi đi qua cầu T, T7 rủ Đ3, K1, T8, Q2 đi đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn thì Đ3, K1, T8, Q2 đồng ý. Trên đường đi, T7 dừng xe và xuống rìa đường nhặt 01 gậy bóng chày để làm hung khí đánh nhau. Khi nhóm B, gồm: Bính, T6, Ngô Văn Q3, Đ, Phan Văn Q, S2, T5, H5, K, C, Nguyễn Văn Q1 cùng nhau đi đến trước quán nước nhà bà Nguyễn Thị T12 (sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã M, huyện S, Hà Nội) ở đập Đ đứng chờ thì thấy nhóm của T7, gồm: T7, Đ3, K1, T8, Quyền, C1 và Nguyễn Văn T10 (sinh ngày 11/8/2007, trú tại thôn T, xã M, huyện S, Hà Nội) là con của chủ quán nước bà T12, chơi chung với nhóm của T7 đi đến. Lúc này, T7 cầm gậy bóng chày chỉ về hướng nhóm của B chửi và hỏi xem thằng nào thích đánh nhau, T7 cầm gậy bóng chày vụt về hướng nhóm của B. Sau đó, hai nhóm xông vào đuổi, đánh nhau. T7 cầm gậy bóng chày vụt trúng tay trái B và trúng bả vai phải của Đ; T10 cầm ghế nhựa tại quán vụt 01 cái trúng đầu B; K1 bị một đối tượng trong nhóm của B cầm dao đâm 01 nhát trúng bả vai trái, T7 bị đánh hội đồng trong đó bị Phan Văn Q cầm đá đập 01 cái trúng đầu; T10 bị B cầm dao đâm 01 nhát trúng vị trí sau lưng sườn phải. Sau đó, được người dân can ngăn thì sự việc dừng lại. T7, T10 đến Bệnh viện chữa trị vết thương.

*** Vật chứng vụ án:**

- 01 dấu vết máu tại hiện trường.
- 01 gậy đánh bóng chày bằng kim loại (T7 nhặt trên đường đi đánh nhau).
- 01 ghế nhựa màu xanh (các đối tượng lấy ở quán nước nhà bà T12, bà T12 không đề nghị được nhận lại).
- 01 con dao, dạng dao bấm: cán dao có một mặt màu đen, mặt còn lại màu đỏ xanh, chiều dài cán dao 13,5cm, lưỡi dao màu đen có chiều dài 11,5cm (nguồn từ việc dẫn giải Nguyễn Văn B đi chỉ vị trí vớt dao).

- Thu giữ của Ngô Văn Q3: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng xám.
- Thu giữ của Nguyễn Văn B: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng xám IMEI 353284077402538, mật khẩu máy 190406.
- Thu giữ của Phan Văn Q: 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh IMEI1: 355043870698272, IMEI2: 355043872698270, lắp sim 1 VN M đã bị khóa hai chiều, sim 2: 0969259930; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu đen bị vỡ mặt lưng, số IMEI 35304809092449828, SĐT: 0337962003.
- Thu giữ của Nguyễn Văn Đ: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xs max màu trắng đen, số seri: G6TXD6I9KDHD.
- Thu giữ của Nguyễn Đình T5: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen đã qua sử dụng.
- Thu giữ của Nguyễn Ngọc S: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu đen, vàng.

*** Về thương tích:**

- **C:** Tại Bản kết luận giám định số 1098/KLTTCT-TTPY ngày 02/8/2023 của Trung tâm P, kết luận:

- + Sẹo sẹo xát vùng thái dương trái trong chân tóc:01%
- + Vỡ xương thái dương:08%
- + Tụ ít máu ngoài màng cứng vùng thái dương trái, hiện không còn hình ảnh tổn thương trên phim chụp:05%
- + Sưng nề trán phải: Vùng tay hai bên không sưng nề bầm tím, không có sẹo vết thương:00%

Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Cao Khánh T7 tại thời điểm giám định là **13%** (tính theo phương pháp cộng lùi).

Cơ chế hình thành thương tích: các tổn thương của anh Cao Khánh T7 do vật tày, vật tày có cạnh gây ra.

- **Nguyễn Văn T10:** Tại Bản kết luận giám định số 1117/KLTTCT-TTPY ngày 07/8/2023 của Trung tâm P, kết luận:

- + Sẹo vết thương vùng lưng phải:01%
- + Sẹo dẫn lưu khoang màng phổi phải:02%
- + Tổn thương màng phổi phải:03%
- + Tổn thương nhu mô phổi phải, để lại xơ hóa khu trú thùy dưới phổi phải: 10%

+ Gãy cung sau xương sườn VIII bên phải:02%

Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn T10 tại thời điểm giám định là **17%** (tính theo phương pháp cộng lùi).

Cơ chế hình thành thương tích: do vật sắc nhọn gây nên.

- Đinh Văn K1 bị thương ở vùng bả vai nhưng không đi khám thương tích. Ngày 12/8/2024, K1 có đơn xin từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu về phần dân sự.

- Nguyễn Văn B bị thương tích: 01 vết thương xước da chảy máu ở vùng đầu kích thước 0,5x0,5cm; 01 vết thương xước da chảy máu bầm tím ở cẳng tay trái kích thước. Ngày 11/8/2023, B có đơn xin từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu về phần dân sự.

- Nguyễn Văn Đ: bả vai phải phía sau có vết đỏ thâm không bị rách da. Đồng không đi khám thương. Ngày 11/8/2023, Đ có đơn xin từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu về phần dân sự.

Tại cáo trạng số 164/CT-VKS ngày 06/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội đã truy tố: Nguyễn Văn B, Phan Văn Q, Hoàng Thanh H5, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn Đ, Ngô Văn Q3, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Đình T5, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thành T6 và Đinh Xuân C về tội “Cố ý gây thương tích” theo Điểm d Khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự;

Truy tố Cao Khánh T7, Nguyễn Tuấn T8, Đỗ Nam Q2, Đinh Văn K1 và Nguyễn Trọng Đ3 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 232/2024/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã quyết định:

- Căn cứ Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm i Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ;

- Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm i Khoản 1 Điều 52; Điều 65; Khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Thành T6;

- Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm i Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Phan Văn Q, Nguyễn Văn K, Nguyễn Ngọc S;

- Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm i Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Đinh Xuân C;

- Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm i Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Ngô Văn Q3, Nguyễn Đình T5, Hoàng Thanh H5;

- Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm i, h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn Q1;

- Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với Đỗ Nam Q2, Đinh Văn K1;

- Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với Cao Khánh T7, Nguyễn Trọng Đ3, Nguyễn Tuấn T8;

Phạt:

1. Bị cáo **Nguyễn Văn B** 48 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 11/6/2023 đến ngày 18/7/2023.

2. Bị cáo **Nguyễn Văn D** 45 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 11/6/2023 đến ngày 18/7/2023.

3. Bị cáo **Nguyễn Thành T6** 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Cố ý gây thương tích”.

4. Bị cáo **Phan Văn Q** 05 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 11/6/2023 đến ngày 18/7/2023.

5. Bị cáo **Hoàng Thanh H5** 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Cố ý gây thương tích”.

6. Bị cáo **Nguyễn Văn K** 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 11/6/2023 đến ngày 18/7/2023.

7. Bị cáo **Ngô Văn Q3** 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Cố ý gây thương tích”.

8. Bị cáo **Nguyễn Đình T5** 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Cố ý gây thương tích”.

9. Bị cáo **Nguyễn Ngọc S** 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

10. Bị cáo **Đinh Xuân C** 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 07/6/2024.

11. Bị cáo **Nguyễn Văn Q1** 05 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

12. Bị cáo **Cao Khánh T7** 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 44 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

13. Bị cáo **Đỗ Nam Q2** 20 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

14. Bị cáo **Đinh Văn K1** 20 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

15. Bị cáo **Nguyễn Tuấn T8** 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

16. Bị cáo **Nguyễn Trọng Đ3** 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/11/2024 bị cáo Nguyễn Ngọc S, kháng cáo nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05/11/2024 các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn Đ, Đinh Văn K1, Đỗ Nam Q2 kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 06/11/2024 bị cáo Phan Văn Q kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đánh giá tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 355,

Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Giữ nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm số: 232/2024/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đối với các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Văn K và Phan Văn Q.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 232/2024/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội: Giảm hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ còn phải chấp hành tù 39 tháng tù đến 42 tháng tù; Giảm hình phạt đối với bị cáo Đỗ Nam Q2 và Đinh Văn K1 mỗi bị cáo phải chấp hành tù 14 tháng tù đến 17 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo là đúng về chủ thể kháng cáo và còn trong thời hạn nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận:

Vào tối ngày 09/6/2023, tại khu vực hồ Đ thuộc địa phận thôn M, xã M, huyện S, Hà Nội, nhóm của Nguyễn Văn B gồm: Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K, Phan Văn Q, Hoàng Thanh H5, Ngô Văn Q3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thành T6, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Đình T5, Nguyễn Văn Q1, Đinh Xuân C và nhóm của Cao Khánh T7 gồm: Cao Khánh T7, Đỗ Nam Q2, Nguyễn Trọng Đ3, Đinh Văn K1, Nguyễn Tuấn T8 sử dụng hung khí nguy hiểm đuổi đánh nhau gây thương tích và gây rối trật tự công cộng. Hậu quả: Cao Khánh T7 bị tổn hại sức khỏe **13%**, Nguyễn Văn T10 (15 tuổi 9 tháng 29 ngày) bị tổn hại sức khỏe **17%**.

Như vậy hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K, Phan Văn Q, Hoàng Thanh H5, Ngô Văn Q3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thành T6, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Đình T5, Nguyễn Văn Q1, Đinh Xuân C đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo Điểm d, Khoản 3, Điều 134 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo Cao Khánh T7, Đỗ Nam Q2, Nguyễn Trọng Đ3, Đinh Văn K1, Nguyễn Tuấn T8 đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã xét xử là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[3]Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Văn Q1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng an toàn xã hội.

Hành vi của các bị cáo Đỗ Nam Q2, Đinh Văn K1, đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng an toàn xã hội.

Các bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng do coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

Về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cấp sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn Đ, Đinh Văn K1, Đỗ Nam Q2, Nguyễn Ngọc S, Phan Văn Q đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn B, Phan Văn Q, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Q1 đã bồi thường cho người bị hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn B được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, có ông ngoại Nguyễn Đình H7 là người có công với cách mạng, được tặng Kỷ niệm chương cựu chiến binh Việt Nam, Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phan Văn Q được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, có ông nội Phan Văn Đ4 là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhì, Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba, Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Ngọc S được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Đ đồng phạm gây thương tích cho Nguyễn Văn T10 là người dưới 16 tuổi nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Nguyễn Văn Q1 gây thương tích cho Nguyễn Văn T10 là người dưới 16 tuổi và lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nên bị áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Như vậy cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn Đ nộp tài liệu chứng cứ mới bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình là hộ nghèo (có xác nhận của nơi cư trú), bị cáo Nguyễn Văn K nộp tài liệu chứng cứ mới bị cáo là lao động chính có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn K nộp Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện S có thành tích bắt giữ tội phạm năm 2016 đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K, Phan Văn Q, Ngô Văn Q3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Ngọc S đồng phạm dùng hung khí gây thương tích cho 2 người, phạm tội rất nghiêm trọng, mức án cấp sơ thẩm đã phạt đối với các bị cáo là phù hợp vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đối với bị cáo Đinh Văn K1, Đỗ Nam Q2 được rủ đi đánh nhau, khi đến nơi bị cáo không tham gia đánh nhau, bị cáo K1 bị nhóm bị cáo B đánh hành vi của bị cáo K1 và Q2 phạm tội “ Gây rối trật tự công cộng”, thời điểm xảy ra sự việc bị cáo Đỗ Nam Q2 mới 16 tuổi 2 tháng 18 ngày tuổi, bị cáo Đinh Văn K1 mới 16 tuổi 5 tháng 28 ngày tuổi đều chưa đủ 18 tuổi, bị cáo đồng phạm vai trò giúp sức thứ yếu, hiện 2 bị cáo đang học lớp 12, hai bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án tiền sự, để đảm bảo quyền học tập của người chưa thành niên, nên không cần thiết phải cách ly xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, cho các bị cáo hưởng án treo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết chấp hành pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Ngọc S giữ nguyên mức hình phạt cấp sơ thẩm đã phạt.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Văn K1, Đỗ Nam Q2.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 232/2024/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Đinh Văn K1, Đỗ Nam Q2 được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Ngọc S không được chấp nhận nên phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Ngọc S.

2. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Văn K1, Đỗ Nam Q2.

Sửa một phần Bản án số: 232/2024/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội về phần hình phạt, điều luật áp dụng các bị cáo Đinh Văn K1, Đỗ Nam Q2.

3. Căn cứ: Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm i Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ);

Phạt bị cáo: **Nguyễn Văn B** 48 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 11/6/2023 đến ngày 18/7/2023.

Phạt bị cáo: **Nguyễn Văn Đ** 45 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 11/6/2023 đến ngày 18/7/2023.

Căn cứ: Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm i Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, đối với Phan Văn Q, Nguyễn Văn K, Nguyễn Ngọc S; Căn cứ điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo K.

Phạt bị cáo: **Phan Văn Q** 05 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 11/6/2023 đến ngày 18/7/2023.

Phạt bị cáo: **Nguyễn Văn K** 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 11/6/2023 đến ngày 18/7/2023.

Phạt bị cáo: **Nguyễn Ngọc S** 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ: Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm i, h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với Nguyễn Văn Q1);

Phạt bị cáo: **Nguyễn Văn Q1** 05 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự, đối với Đỗ Nam Q2, Đinh Văn K1;

Phạt bị cáo: **Đỗ Nam Q2** và bị cáo **Đinh Văn K1** mỗi bị cáo 18 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Nam Q2 cho UBND xã M, huyện S và giao bị cáo Đinh Văn K1 cho UBND xã M, huyện S giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách của án treo trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Đỗ Nam Q2 và bị cáo Đinh Văn K1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Mỗi bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Ngọc S phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội;
- Chi cục T.H.A. DS H. Sóc Sơn;
- TAND H. Sóc Sơn;
- UBND xã nơi cư trú BC
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ THỊ THU THỦY